TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23/3/2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga – *Thẩm phán*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thu Thủy

2. Ông Nguyễn Văn Thông

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quí – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 669/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Hữu H, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: phường G, tỉnh N.

(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 09/12/2025)

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Hoàng O, sinh năm: 1989.

Địa chỉ thường trú: phường T, Thành phố H; Nơi tạm trú: phường P, Thành phố H; Nơi cư trú: phường Đ, Thành phố H.

(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 04/3/2026)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 05/9/2025, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trịnh Hữu H trình bày: Ông và bà Phan Thị Hoàng O tự nguyện chung sống chung với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 136/2012 đăng ký ngày 22/6/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố H.

Sau khi kết hôn, ông bà sống hòa thuận và hạnh phúc, đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng nẩy sinh bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Sau nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông bà đã không còn chung sống từ năm 2018 cho đến nay. Nay ông H nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, ông bà không thể tiếp tục sống chung với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Hữu H yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Hoàng O.

- Về con chung: Ông Trịnh Hữu H xác nhận trong thời gian chung sống, ông và có 01 con chung tên Trịnh Hữu N (nam) sinh ngày 28/7/2012, ông H yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông H tự khai không có.

Tại bản tự khai của bị đơn đề ngày 04/3/2026, bà Phan Thị Hoàng O trình bày: Bà và ông Trịnh Hữu H là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố H. Ông bà có 01 con chung là Trịnh Hữu N sinh ngày 28/7/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống dẫn đến sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Từ khi ly thân ông bà không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà đồng ý ly hôn với ông Trịnh Hữu H. Về con chung: bà đồng ý giao con chung là Trịnh Hữu N cho ông Trịnh Hữu H nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Bà xác định trước đây bà sống tại địa chỉ phường P, Thành phố H. Tôi mới chuyển về ở tại phường Đ, Thành phố H khoảng 02 tháng nay.

Bà O có đơn xin vắng mặt đề ngày 04/3/2026.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh nơi cư trú của bà Phan Thị Hoàng O, xác minh mối quan hệ hôn nhân của ông H và bà O tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo quy định pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, cho ông H được ly hôn với bà Phan Thị Hoàng O. Về án phí: Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 136/2012 đăng ký ngày 22/6/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố H thì ông Trịnh Hữu H và bà Phan Thị Hoàng O có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Trịnh Hữu H có đơn xin ly hôn với bà Phan Thị Hoàng O hiện đang cư trú tại phường P, Thành phố H nên Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trịnh Hữu H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 09/12/2025, bà O có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 04/3/2026 nộp cho Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo lời trình bày của ông Trịnh Hữu H và bà Phan Thị Hoàng O tại đơn khởi kiện, bản tự khai thì sau khi kết hôn và về chung sống với nhau, ông bà sống chung không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tính cách không hòa hợp. Ông bà đã không còn sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay ông H yêu cầu ly hôn, bà O đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Hnên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các đương sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫm nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…” nhưng theo lời trình bày của ông Trịnh Hữu H và bà Phan Thị Hoàng O thì giữa ông và bà O không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay. Ông bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Như vậy, đủ căn cứ cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa ông Trịnh Hữu H và bà Phan Thị Hoàng O đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho ông Trịnh Hữu H được ly hôn với bà Phan Thị Hoàng O là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông Trịnh Hữu H và bà Phan Thị Hoàng O đều xác nhận trong thời gian chung sống, ông và bà O có 01 con chung tên N (nam) sinh ngày 28/7/2012, ông H yêu cầu trực tiếp nuôi con, bà O đồng ý giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Trịnh Hữu H và bà Phan Thị Hoàng O trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Ông Trịnh Hữu H và bà Phan Thị Hoàng O trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do ông Trịnh Hữu H nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật Phí, lệ phí và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi khiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Hữu H được ly hôn với bà Phan Thị Hoàng O.

Giấy chứng nhận kết hôn số 136/2012 đăng ký ngày 22/6/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Trịnh Hữu H và bà Phan Thị Hoàng O có 01 con chung tên Trịnh Hữu N (nam) sinh ngày 28/7/2012, giao con chung cho ông Htrực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Trịnh Hữu H và bà Phan Thị Hoàng O trình bày là không có nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Ông Trịnh Hữu H và bà Phan Thị Hoàng O trình bày là không có nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do ông Trịnh Hữu H nộp, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông Trịnh Hữu H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án có ký hiệu: BLTU/25E, số 0037167 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Khu vực 3-TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Hồng Nga